Mẫu số 17

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND của UBND xã Yên Hòa ngày / /2026)

TT	Họ tên người sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp quy hoạch
1	Bà Phan Thị Nghịa	xã Yên Hòa	Hồ Phượng	173	125	1940,8	1962	Thửa đất do vợ chồng ông Nguyễn Quốc Tôn (đã chết) và bà Phan Thị Nghịa sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1962 đến nay	Đất ở	1962	Không	Phù hợp
2	Bà Lê Thị Phi	xã Yên Hòa	Mỹ Hòa	133	111	2673,5	1956	Thửa đất do vợ chồng ông Phan Hoàng Kiểm (đã chết) và bà Lê Thị Phi sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1956 đến nay	Đất ở + trồng cây lâu năm	1956	Không	Phù hợp
3	Ông Nguyễn Đình Hảo	xã Yên Hòa	Mỹ Hòa	120	28	2645,9	1948	Thửa đất do cha mẹ là ông Nguyễn Đình Lượng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Dụ (đã chết) tạo lập làm nhà ở từ năm 1948 đến năm 2010 tháo dỡ nhà ở chuyển sang trồng cây lâu năm cho đến nay.	Đất ở + trồng cây lâu năm	1948	Không	Phù hợp
4	Bà Võ Thị Sơn	xã Yên Hòa	Yên Quý	136	116	1490,6	1976	Thửa đất do ông Nguyễn Văn Khán (đã chết) và bà Võ Thị Sơn tạo lập làm nhà ở từ năm 1976 đến nay	Đất ở	1976	Không	Phù hợp
5	Bà Nguyễn Thị Châu	xã Yên Hòa	Yên Giang	66	99	1097	1978	Thửa đất do ông Nguyễn Bá Lượng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Châu tạo lập làm nhà ở ổn định từ năm 1978 đến nay.	Đất ở	1978	Không	Phù hợp
6	Ông Trần Viết Thành	xã Yên Hòa	Nhân Hòa	147	63	1098,9	1978	Thửa đất do ông Trần Viết Lý (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tứ (đã chết) tạo lập làm nhà ở từ năm 1978 đến nay.	Đất ở	1978	Không	Phù hợp
7	Ông Trần Viết Tùng	xã Yên Hòa	Minh Hòa	154	11	1056,6	1958	Thửa đất do ông Trần Viết Trí (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thực (đã chết) tạo lập làm nhà ở từ năm 1958 đến nay.	Đất ở	1958	Không	Phù hợp
8	Bà Trần Thị Thân	xã Yên Hòa	Mỹ Hòa	26	73	3444,4	1975	Thửa đất do ông Trần Công Trường (đã chết) và bà Phạm Thị Triển (đã chết) tạo lập làm nhà ở từ năm 1973 đến nay.	Đất ở + trồng cây lâu năm	1975	Không	Phù hợp

TT	Họ tên người sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp quy hoạch
9	Bà Trần Thị Xuân	xã Yên Hòa	Nhân Hòa	138	15	2303,7	1976	Thửa đất do ông Trần Vĩnh Phú (đã chết) và bà Trần Thị Xuân tạo lập làm nhà ở từ năm 1976 đến nay.	Đất ở + trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
10	Ông Trần Hữu Lạc và bà Hồ Thị Tư	xã Yên Hòa	Yên Giang	174	79	1390,9	1940	Thửa đất do cha mẹ là ông Trần Hữu Nga (đã chết) và bà Lê Thị Soạn (đã chết) tạo lập làm nhà ở từ năm 1940 đến năm 1985 để thừa kế cho con là ông Trần Hữu Lạc và bà Hồ Thị Tư sử dụng đến nay.	Đất ở + trồng cây lâu năm	1940	Không	Phù hợp
11	Bà Nguyễn Thị Hải	xã Kbang, tỉnh Gia Lai	Nhân Hòa	10	127	1617,8	1988	Thửa đất do bà Nguyễn Thị Hải tạo lập làm nhà ở từ năm 1988 đến năm 1998 tháo dỡ nhà trồng cây hàng năm, đến năm 2015 trồng cây lâu năm đến nay.	Đất trồng cây lâu năm	1988	Không	Phù hợp
12	Ông Mai Đức Ký	xã Yên Hòa	Mỹ Hòa	124	14	6665,3	Trước 01/7/2014	Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Phần diện tích tăng thêm 2,6m2 do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp. Phần diện tích tăng thêm có nguồn gốc sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm trước ngày 01/7/2014 đến nay	Đất ở + trồng cây lâu năm	Không kê khai	Không	Phù hợp
	Tổng:											

Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày ..... đến ngày .....tại UBND xã Yên Hòa và Nhà văn hóa thôn có đất. Người không đồng ý với kết quả kiểm tra trên đây thì gửi đơn đến UBND xã Yên Hòa để giải quyết; sau thời gian trên sẽ không xem xét giải quyết./.